

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2024

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

2. Ông Bùi Sỹ Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2023 “Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Hồng T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Trần Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Hồng T trình bày: Ngày 14/12/2009, chị T và anh Trần Văn T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu tính nhau, khác nhau về quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau. Do vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh T1. Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Trần Duy K, sinh ngày 22/3/2010 và Trần Thiên A, sinh ngày 23/9/2013. Chị T đề nghị được nuôi dưỡng các con và

không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn T1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Phan Thị Hồng T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng đến mức phải ly hôn. Anh T1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho các con nên anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh T1 và chị T có hai con chung là Trần Duy K, sinh ngày 22/3/2010 và Trần Thiên A, sinh ngày 23/9/2013, anh T1 không có ý kiến gì về việc nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Bị đơn anh Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng T và anh Trần Văn T1 có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1. Tổ M và Ủy ban nhân dân phường A đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị T và anh T1. Anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T1. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh T1 không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn với anh T1. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Trần Duy K, sinh ngày 22/3/2010 và Trần Thiên A, sinh ngày 23/9/2013. Chị T đề nghị được nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, hiện nay các con đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và các con cũng có nguyện vọng được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T

có khả năng lao động, có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần giao các cháu K và A cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Phan Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh Trần Văn T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng T.

- *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị Hồng T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Phan Thị Hồng T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Duy K, sinh ngày 22/3/2010 và Trần Thiên A, sinh ngày 23/9/2013, khi các cháu K và A chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Phan Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0006969 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị Hồng T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (28/3/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường A, TX. A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông